

UBND TỈNH BÌNH THUẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BAN DÂN TỘC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **706** /BC-BDT

Bình Thuận, ngày 20 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO

**Kết quả triển khai quy hoạch phát triển nhân lực ngành Nội vụ
giai đoạn 2011-2020**

Thực hiện Công văn số 2299/SNV-VP ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Sở Nội vụ về việc báo cáo đánh giá việc thực hiện quy hoạch phát triển nhân lực ngành Nội vụ giai đoạn 2011-2020, Ban Dân tộc báo cáo kết quả như sau:

1. Thực trạng nhân lực ngành Nội vụ

1.1. Cơ cấu nhân lực Nội vụ theo vị trí việc làm

STT	Vị trí việc làm	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Tổ chức hành chính						
a)	Ban Dân tộc						
-	Trưởng Ban	01	4	01	4	01	5,8
-	Phó trưởng Ban	03	12	03	12	02	11,6
b)	Phòng Nội vụ						
-	Trưởng phòng						
-	Phó trưởng phòng						
c)	Lãnh đạo phòng Tổ chức - Hành chính; Lãnh đạo Văn phòng Sở;	02	8	02	8	02	11,6
d)	Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu của các tổ chức được giao làm công tác Nội vụ (đối với các cơ quan thí điểm việc sáp nhập tổ chức)						
đ)	Thừa hành, phục vụ						
	Tổng số						
2	Đơn vị sự nghiệp công lập - Trung tâm DVMN						
a)	Lãnh đạo, quản lý						
-	Giám đốc	1	5	1	5	1	5,8

-	Phó Giám đốc	1	5	1	5	0	0
-	Trưởng phòng	3	15	3	15	3	17,4
-	Phó Trưởng phòng						
b)	Chức danh nghề nghiệp						
Tổng số							

1.2. Cơ cấu nhân lực theo trình độ đào tạo/ngạch công chức, viên chức

STT	Trình độ	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Về trình độ						
-	Sơ cấp						
-	Trung cấp	1	4				
-	Cao đẳng						
-	Đại học	1	4	2	8	2	11,6
-	Sau đại học						
Tổng số							
2	Ngạch công chức/ viên chức						
a)	Công chức						
-	Chuyên viên cao cấp						
-	Chuyên viên chính						
-	Chuyên viên	1	4	2	8	2	11,6
-	Cán sự	1	4				
-	Nhân viên						
b)	Viên chức						
-	Quản lý	1	5	1	5	1	5,8
-	Thừa hành						
Tổng số							

1.3. Cơ cấu nhân lực theo độ tuổi, giới tính, dân tộc, thời gian công tác trong ngành Nội vụ

STT	Độ tuổi, giới tính, dân tộc, thời gian công tác	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Độ tuổi						
	Dưới 30						
	Từ 30 – 40			2	8		
	Từ 41 – 50	1	4			2	11,6
	Từ 51 – 60	1	4				

Tổng số							
2	Giới tính						
	Nam	2	8			2	11,6
	Nữ			2	8		
Tổng số							
3	Dân tộc						
	Dân tộc Kinh	2	8	2	8	1	5,8
	Dân tộc khác					1	5,8
4	Thời gian công tác						
	Dưới 5 năm			2	4	2	11,6
	Từ 5 - 10 năm	1	4				
	Từ 11- 20 năm	1	4				
	Từ 21 - 30 năm						
	Trên 30 năm						
Tổng số							

1.4. Cơ cấu nhân lực theo lĩnh vực công tác

STT	Lĩnh vực công tác	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Tổ chức nhà nước	2	8	2	8	2	11,6
2	Tôn giáo						
3	Thi đua – KT						
4	Văn thư – Lưu trữ						
Tổng số							

1.5. Cơ cấu nhân lực theo trình độ lý luận chính trị/quản lý nhà nước/tin học/ngoại ngữ

STT	Trình độ	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Lý luận chính trị						
	Sơ cấp						
	Trung cấp	1	4				
	Cao cấp	1	4	2	8	2	11,6
Tổng số							
2	Quản lý nhà nước						
	Cán sự	1	4				
	Chuyên viên			1	4		
	Chuyên viên	1	4	1	4	2	11,6

	chính						
	Chuyên viên cao cấp						
Tổng số							
3	Tin học						
	Trình độ A, B, C	1	4	2	8	1	5,8
	Chuẩn kỹ năng cơ bản					1	5,8
	Chuẩn kỹ năng nâng cao						
	Đại học						
	Sau đại học						
Tổng số							
4	Ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc và ngoại ngữ khác)						
	Trình độ A, B, C, D	1	4	2	8	2	11,6
	Đại học						
	Sau đại học						
	Các văn bằng, chứng chỉ khác (nếu có)						
Tổng số							

2. Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được phê duyệt trong quy hoạch

a) Kết quả đạt được

- Trong những năm qua, bộ máy phòng Tổ chức – Hành chính (nay là Văn phòng Ban) đã thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Trưởng Ban về công tác tổ chức cán bộ, thi đua – khen thưởng, công tác văn phòng...

- Hàng năm, Ban Dân tộc tiến hành rà soát, bổ sung nhân lực quy hoạch lãnh đạo Văn phòng theo quy định.

- Thường xuyên cử công chức nội vụ tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng do Sở Nội vụ tổ chức.

b) Tồn tại và nguyên nhân

- Việc triển khai các văn bản về công tác nội vụ có lúc còn lúng túng.

- Nguyên nhân: công chức làm công tác nội vụ chưa được đào tạo chuyên sâu, chủ yếu là sử dụng công chức trong cơ quan điều động đến làm việc tại Văn

phòng, chưa có công chức học chuyên ngành công tác tại Văn phòng Ban.

c) Giải pháp khắc phục

Tiếp tục tự học tập, tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

d) Đề xuất, kiến nghị

Sở Nội vụ thường xuyên mở các lớp tập huấn cho công chức làm công tác nội vụ của các sở, ngành, địa phương./.

TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT-TC;

Võ Văn Hòa